

MỘT SỐ NGHIÊN CỨU VỀ KĨ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN*

Ngày nhận bài: 19/12/2016; ngày sửa chữa: 21/12/2016; ngày duyệt đăng: 22/12/2016.

Abstract: Teamwork is one of the important skills to improve quality of working and work together successfully. Therefore, teamwork skills have been studied by many international and local educators in term of significance, factors affecting, conditions, teamwork skills from social angle.

Keywords: Teamwork, team work skills.

Làm việc nhóm (LVN) là một trong những kĩ năng (KN) xã hội cần thiết trong thời kì hội nhập; giúp chúng ta có được sự hợp tác với nhau, biết giải quyết các vấn đề theo hướng tích cực; biết chia sẻ, lắng nghe và chấp nhận người khác... KN này cần được hình thành và phát triển ở người lao động mới nhằm phù hợp với xu thế toàn cầu, nên có không ít các nhà giáo dục đã quan tâm đến KN này.

1. Nghiên cứu về ý nghĩa, tầm quan trọng của LVN

Giữa thế kỉ XVIII, ngay sau Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, đặc biệt là cuối thế kỉ XVIII, việc dạy học nhóm khá phổ biến ở các nước tư bản. J. Lancaster và A. Bell đã triển khai dạy học nhóm ở nước Anh và ý tưởng đó được du nhập vào nước Mỹ năm 1806. Sau này, J. Dewey đã tăng cường sử dụng dạy học nhóm như một phần dự án phương pháp dạy học của mình. Ông cho rằng: con người có bản chất sống hợp tác, trẻ cần được dạy biết cảm thông, tôn trọng quyền của người khác, làm việc cùng nhau để giải quyết các vấn đề theo lẽ phải và trẻ phải trải nghiệm quá trình sống hợp tác ngay từ trong nhà trường.

Vào năm 1983, các tác giả R. Johnson và D. Johnson [1] đã đưa ra một số ích lợi của LVN: Quá trình trao đổi nhóm làm tăng cường khả năng nhận thức và phát triển tư duy ở mức độ cao hơn so với thao tác tìm nguyên nhân trong phương pháp học "tranh đua". Quá trình LVN tồn tại những yếu tố: - Mâu thuẫn giữa các tư tưởng, quan điểm, kết luận, cơ sở lí luận và thông tin tiếp nhận giữa các thành viên trong nhóm. Giải quyết xong những vấn đề này sẽ tạo điều kiện phát triển động cơ học tập, nâng cao kiến thức, hiểu thấu các khái niệm và lưu giữ các kiến thức bền lâu hơn; - Sự trao đổi của các thành viên trong nhóm làm

cho những thông tin được xuất hiện nhiều lần, bởi nó được nói ra, giải thích nhiều lần, lại được tích hợp và cung cấp hợp lí. Những thông tin được nhắc đi nhắc lại nhiều lần sẽ được lưu giữ trong trí nhớ của học sinh; - Sự yêu mến, tôn trọng và liên kết nhau sẽ nâng cao động cơ học tập.

Theo tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa (Khoa Sư phạm kĩ thuật - Trường Đại học Hà Nội) [2] đã chỉ ra lợi ích của LVN: - *Với cá nhân:* Học được tính kiên trì theo đuổi mục đích đến cùng; nâng cao được khả năng tư duy phê phán, tư duy logic; bổ sung kiến thức nhờ học hỏi lẫn nhau; thể hiện khả năng sáng tạo trong việc tạo ra ý tưởng và lời giải mới; có sự hợp tác chia sẻ với các thành viên trong nhóm; có thái độ tích cực để cảm thông; hình thành những KN (phát hiện vấn đề, nắm bắt thông tin, KN làm việc tập thể, KN thương lượng, thuyết phục...); - *Với một nội dung:* Giảm thời gian vì có nhiều ý tưởng và giải pháp cũng như nhiều sự lựa chọn trong giải quyết vấn đề.

Trong môi trường làm việc tập thể, mỗi cá nhân hiểu và tin rằng, việc tư duy, lập kế hoạch, quyết định và hành động sẽ được thực hiện tốt hơn khi tất cả cùng hợp tác. LVN là hoạt động luôn được công nhận và đánh giá cao. Trong khi trẻ làm việc cùng nhau, LVN thì có rất nhiều vấn đề nảy sinh, có thể là tổ chức thực hiện, có thể là phân công nhóm, phân công nhiệm vụ hay lập kế hoạch, lựa chọn ý tưởng... và không phải lúc nào vấn đề nảy sinh trong khi LVN đều được trẻ tự giải quyết tốt đẹp. Vấn đề nảy sinh đầu tiên khi trẻ làm việc với nhau, LVN chính là trẻ phải cùng nhau thống nhất ý tưởng để xây dựng kế hoạch và phải phân công công việc được với nhau [3; tr 27-30].

* Trường Đại học Đồng Nai

Tác giả Nguyễn Thị Oanh [4] cũng đưa ra một số ưu điểm và nhược điểm của giải quyết mâu thuẫn trong quá trình LVN: - *Ưu điểm*: LVN đưa lại nhiều thông tin đa dạng; nhiều thành viên với nhiều kinh nghiệm khác nhau sẽ đem lại các giải pháp khác nhau; một khi đã đưa vấn đề ra thảo luận, bàn bạc, các thành viên sẽ hiểu rõ và sẵn sàng chấp nhận thực hiện giải pháp chung; - *Bất lợi*: Nhóm có thể quyết định vội vã; có khi ý kiến được nhiều người ủng hộ nhưng chưa chắc đã hay; số đông có xu hướng quyết định theo lối mòn và “ngại” giải pháp mới lạ, mang tính đột phá; có khi một cá nhân nổi trội lại có ảnh hưởng thống trị tư tưởng của cả nhóm; mỗi người đều muốn ý kiến của mình đưa ra sẽ thắng và vì lợi ích riêng nên không lắng nghe những giải pháp khác dẫn đến xung đột, mâu thuẫn. Vì vậy: + *Biết lắng nghe* sẽ là chìa khóa thành công trong thảo luận và giải quyết xung đột; + *Thảo luận nhóm* là một công cụ phổ biến lại có tác dụng độc đáo; đáp ứng được nguyện vọng của mỗi người tham gia vào công việc chung; sẽ giúp các thành viên sẵn sàng bước tới hành động hơn là họ hành động theo mệnh lệnh; không chỉ giúp tiếp thu ý kiến một cách dễ dàng mà còn làm thay đổi thái độ và hành vi.

Ngoài ra, hiệu quả của quá trình LVN với kết quả học tập cũng được nhiều nhà nghiên cứu, tác giả làm rõ. Theo R. Johnson và D. Johnson [1] thì sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai không phải là do công nhân Nhật Bản có trình độ cao mà là họ có năng lực cộng tác, hợp tác tốt hơn. Tham gia vào các hoạt động nhóm, làm việc cùng nhau, trẻ sẽ được rèn luyện những tính cách tốt, như: tình cảm yêu thương, đoàn kết, trung thực, dám nghĩ dám làm, xác lập được mối quan hệ xã hội đúng đắn... Trong cuốn **Small group teaching - tutorials, seminars and beyond**, Kate Exley và Reg Dennick đã chứng minh rõ ràng vì sao phải LVN; những điều kiện để LVN thành công; hình thành một số KN quan trọng, như: KN đặt câu hỏi, KN giải quyết vấn đề, phương thức hợp tác giữa các thành viên trong nhóm... [5].

2. Nghiên cứu về các lý thuyết phát triển kỹ năng làm việc nhóm (KNLVN)

Nhà nghiên cứu F. Murray năm 1986 đã tổng hợp 4 lý thuyết làm cơ sở cho quá trình LVN [6; tr 43-54] gồm:

- *Thuyết học tập xã hội*: Lý thuyết này được xây dựng trên nguyên tắc phổ biến. Trẻ nỗ lực hoàn thành

nhệm vụ sẽ được khen thưởng, nếu không hoàn thành nhệm vụ sẽ không được khen thưởng hoặc bị chê. Tư tưởng chính của thuyết này là khi các cá nhân cùng làm việc với nhau để hướng tới mục tiêu chung thì sự phụ thuộc lẫn nhau thúc đẩy trẻ hoạt động tích cực hơn, giúp nhóm và bản thân trẻ thành công. Hơn nữa, nhóm thường phải giúp đỡ các thành viên khác để hoàn thành nhệm vụ, mọi người đều có xu hướng vươn tới sự thống nhất nên coi trọng thành viên trong nhóm mình.

- *Thuyết Piaget về giải quyết mâu thuẫn*: Để thúc đẩy sự phát triển trí tuệ của trẻ, phải làm xuất hiện tình huống mâu thuẫn về quan điểm với nhau. Giáo viên sắp đặt từng đôi có cách giải quyết vấn đề khác nhau, đối lập nhau vào một nhóm. Sau đó, giáo viên yêu cầu hoạt động cùng nhau cho đến khi có câu trả lời chung. Kết quả cho thấy, học sinh lúc đầu còn kém hay chưa biết cách giải quyết, sau đó có thể tự mình giải quyết một cách đúng đắn [7].

- *Thuyết hợp tác nhóm của Vygotsky*: Mọi chức năng tâm lý cấp cao đều có nguồn gốc xã hội và xuất hiện ở cấp độ liên cá nhân trước khi nó chuyển vào bên trong và tồn tại ở cấp độ nội cá nhân. Trong sự phát triển của trẻ, mọi chức năng tâm lý cấp cao đều xuất hiện hai lần: lần 1 như là một hoạt động tập thể, một hoạt động xã hội (như một chức năng liên tâm lý); lần 2 là một hoạt động cá nhân như một chức năng tâm lý bên trong. Vygotsky đã xây dựng lý thuyết “Vùng phát triển gần nhất”, phải kích thích trẻ thức tỉnh quá trình vận động chuyển từ bình diện bên ngoài thành bình diện bên trong của đứa trẻ. Quá trình này chỉ diễn ra khi đứa trẻ cùng làm việc, hoạt động với bạn bè, ông đã khẳng định: “*Điều trẻ em làm cùng với nhau hôm nay, chúng sẽ tự làm được vào ngày mai*” [8].

- *Thuyết khoa học nhận thức mới - dạy lẫn nhau*: Theo thuyết này, trẻ có thể thay phiên nhau đóng vai trò thủ lĩnh. Các thành viên của nhóm tham gia vào thảo luận bằng cách nêu vấn đề, câu hỏi, trả lời, bình luận và rút ra những kết luận. Vai trò của từng thành viên được luân phiên, thay đổi.

3. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình LVN

Năm 1990, các tác giả R. Johnson và D. Johnson nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình LVN và chỉ ra 5 yếu tố cốt lõi của LVN [1] gồm:

- *Sự phụ thuộc tích cực lẫn nhau*: Trong quá trình làm việc theo nhóm, trẻ nhận ra “cùng chìm, cùng

nổi”. Vì vậy, các thành viên trong nhóm phải gắn kết với nhau theo cá nhân cũng như toàn nhóm. Nhóm chỉ có thể thành công nếu các thành viên cố gắng hết mình. Khi làm việc cùng nhau, trẻ có 2 nhiệm vụ chính: hoàn thành nhiệm vụ được phân công và giúp các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ.

- *Sự tương tác mặt đối mặt*: Làm việc cùng nhau đòi hỏi có sự trao đổi qua lại tích cực giữa các thành viên độc lập trong nhóm. Điều đó được thực hiện khi các thành viên nhìn thấy nhau trong quá trình trao đổi. Cách làm việc này có tác động tích cực đối với trẻ như: tăng cường động cơ học tập, nảy sinh những hứng thú mới, kích thích sự giao tiếp, chia sẻ tư tưởng, tình cảm, giải quyết các vấn đề, tăng cường các KN xã hội, biết bày tỏ thái độ, phản hồi bằng các hình thức (lời nói, cử chỉ, nét mặt...).

- *Trách nhiệm cá nhân cao*: Nhóm phải được tổ chức sao cho các thành viên trong nhóm không trốn tránh công việc hoặc học tập. Mỗi thành viên thực hiện một vai trò nhất định. Các vai trò ấy được luân phiên thường xuyên trong các nội dung hoạt động khác nhau. Mỗi thành viên hiểu rằng không thể dựa vào công việc của người khác.

- *KN hợp tác nhóm nhỏ*: Trẻ biết tham gia vào các hoạt động nhóm, không rời bỏ nhóm, KN giao tiếp, biết chờ đợi, luân phiên tới lượt, xử lý thông tin. KN xây dựng niềm tin như bày tỏ sự ủng hộ bằng ánh mắt, nụ cười... yêu cầu giải thích, giúp đỡ và sẵn sàng giúp đỡ người khác. KN giải quyết các bất đồng, mâu thuẫn như kiểm chế, không xúc phạm người khác...

- *Nhận xét nhóm*: Yếu tố này giúp bản thân mỗi trẻ nhìn nhận được những ưu điểm và khuyết điểm của người khác cũng như chính bản thân mình.

Hay, tác giả Nguyễn Thị Oanh [3] đã nêu những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình LVN, đó là: mục đích chung, sự tương tác giữa các thành viên, các quy tắc chung, vai trò của các thành viên, với các dạng giải quyết vấn đề: rút lui, áp đảo, thỏa hiệp, xoa dịu, đối đầu... Ngoài ra, cũng có nhà nghiên cứu đã đưa ra 9 yếu tố cấu thành sự thành công của quá trình LVN, gồm: liên kết, duy trì, đổi mới, thảo luận, thúc đẩy, phát triển, tổ chức, xúc tiến, kiểm tra đánh giá.

4. Nghiên cứu về các điều kiện để LVN có hiệu quả

Để LVN có hiệu quả, chúng ta cần lưu ý đến các điều kiện:

- *Sự hợp tác* được coi là “keo dán” để liên kết các thành viên lại và đó cũng là nguyên nhân để nhóm tồn tại.

- *Quy tắc nhóm*: Nếu không có quy tắc nhóm sẽ rất dễ dẫn đến sự căng thẳng, giận dữ và cuối cùng là mâu thuẫn, xung đột.

- *Mâu thuẫn và tranh luận*: Mâu thuẫn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Mâu thuẫn không xấu nhưng nên tránh vì có thể làm xảy ra những bất lợi nếu cuộc tranh luận không chế ngự được. Nếu mâu thuẫn không được giải quyết, nó sẽ theo suốt cuộc thảo luận và cản trở việc hoàn thành mục tiêu của nhóm. Vì vậy, cần chú ý thực hiện một vài yêu cầu để giải quyết mâu thuẫn: giáo dục cách giải quyết mâu thuẫn; thúc đẩy sự giao tiếp; kiểm soát tâm trạng trong xung đột; sự can thiệp của người thứ ba để kiểm soát cảm xúc tốt hơn; bản chất mâu thuẫn mang nhiều nền văn hóa khác nhau, nên cần tôn trọng sự khác biệt nền văn hóa.

Ngoài ra, cũng có nghiên cứu đưa ra 2 kiểu giao tiếp trong khi LVN, đó là: sử dụng lời nói và kí hiệu (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt...); trong đó, khi LVN, người ta thường sử dụng kí hiệu nhiều hơn là lời nói. Trong giao tiếp giữa các thành viên trong nhóm, cần chú trọng đến sự luân phiên, lần lượt giữa người nói và người nghe, điều này làm giảm đi sự căng thẳng trong nhóm. Khi giao tiếp, cũng cần làm rõ không gian giao tiếp, sự thoải mái, thông tin, vị thế, sự tương tác lẫn nhau, mối liên hệ giữa các cá nhân.

Tác giả Nguyễn Thị Kim Dung cũng đã đặt ra những yêu cầu khi cho trẻ LVN, gồm: Tổ chức, sắp xếp nhóm làm việc; giao nhiệm vụ và thời gian cho LVN; hướng dẫn trẻ KNLVN; quan sát, giám sát hoạt động nhóm; đánh giá kết quả LVN. Theo đó, để nhóm làm việc và thực hiện nhiệm vụ được giao có hiệu quả, đòi hỏi giữa những thành viên trong nhóm phải có mối quan hệ tương hỗ, giúp đỡ và phối hợp với nhau cùng thực hiện nhiệm vụ chung. Vì vậy, cần phải có sự phụ thuộc tích cực giữa các thành viên trong nhóm: mỗi thành viên của nhóm phải nhận thức: họ cùng trong một nhóm và có sự phụ thuộc lẫn nhau, vì cả nhóm phải hoàn thành một nhiệm vụ chung. Nên khi LVN, mỗi thành viên phải biết cách phối hợp cùng nhau, biết khuyến khích, huy động sự tham gia của tất cả thành viên, phát biểu lần lượt, lắng nghe tích cực... tức là đòi hỏi các thành viên phải có KNLVN [9; tr 16-17].

(Xem tiếp trang 229)

“chuyên gia” của cả bốn vấn đề trên. Mỗi “chuyên gia” có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về vấn đề đã tìm hiểu sâu ở nhóm trước, trình bày vào giấy A0 và thuyết trình trước lớp.

- **Kỹ thuật “Hỏi và trả lời”:** Đây là kỹ thuật giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức bài học thông qua hỏi và trả lời câu hỏi, đồng thời có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và phản ứng nhanh. Kỹ thuật này thực hiện như sau: GV nêu chủ đề và đặt câu hỏi số 1 và mời HS A trả lời -> HS A trả lời và đặt câu hỏi cho HS B (do HS A chỉ định) -> HS B trả lời và đặt tiếp câu hỏi cho HS C... Quá trình này tiếp diễn cho đến khi GV quyết định dừng hoạt động này lại...

- **Kỹ thuật “Sơ đồ tư duy”:** HS dùng sơ đồ để khái quát, trình bày rõ ràng những ý tưởng hay kết quả làm việc của cá nhân/nhóm về một chủ đề được yêu cầu. Dựa vào gợi ý của GV, HS viết tên chủ đề/ý tưởng ở trung tâm, từ trung tâm, HS sử dụng màu sắc, hình vẽ và ngôn ngữ để phát triển ý tưởng ra các nhánh chính và phụ, tương ứng với các ý lớn ý nhỏ cho đến khi hoàn thiện nội dung. Chủ đề đưa ra có thể là: AIDS là gì? Tình hình phòng chống AIDS? Nhiệm vụ phòng chống AIDS? Nói không với AIDS...

Trên đây là một số định hướng giáo dục KNS cho HS THPT thông qua dạy học văn bản nhật dụng, được vận dụng cụ thể trong bài “*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS (1/12/2003)*”. Với các bài học khác, tùy từng bài học, GV có thể tìm hiểu, vận dụng các kỹ thuật và phương pháp khác để bài giảng có hiệu quả. Tuy nhiên, dù có sử dụng phương pháp nào thì mục đích cuối cùng là phải hình thành kiến thức và giáo dục thái độ sống, KNS tích cực cho HS. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2013). *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học phổ thông môn Ngữ văn*.
- [2] Nguyễn Khắc Phi (tổng chủ biên) (2007). *Ngữ văn 9* (tập 2). NXB Giáo dục.
- [3] Bộ GD-ĐT (2010). *Giáo dục kỹ năng sống trong môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Phan Trọng Luận (tổng chủ biên) (2015). *Ngữ văn 12* (tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Phan Trọng Luận (tổng chủ biên) (2009). *Ngữ văn 11* (tập 1-2). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Phan Trọng Luận (tổng chủ biên) (2009). *Ngữ văn 10* (tập 1-2). NXB Giáo dục Việt Nam.

Một số nghiên cứu về kỹ năng...

(Tiếp theo trang 237)

5. Nghiên cứu KNLVN dưới góc độ KN xã hội

UNICEF đã xem LVN là một kỹ năng cần được phát triển trong mối quan hệ liên nhân cách, trong sự giao tiếp với nhau; nó biểu lộ sự tôn trọng, sự đa dạng phong cách của người khác; đánh giá cao kết quả của toàn nhóm hơn là kết quả của riêng lẻ từng người. Dựa vào sự phân loại cũng như dựa vào các lĩnh vực học tập (theo Bloom) của UNICEF, Bộ chuẩn **Phát triển trẻ 5 tuổi** cũng đã xây dựng các chỉ số phù hợp làm thang đánh giá cho KNLVN của trẻ. Các tác phẩm: **Làm việc nhóm, Cẩm nang sinh hoạt nhóm, Giáo trình giáo dục KN sống** (của các tác giả Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Oanh) cũng đã đề cập LVN là một KN xã hội cần hình thành trong thời kì hội nhập.

Vấn đề LVN đã được rất nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Các công trình nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau liên quan đến phương pháp dạy học hoặc đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm hợp tác nhóm. Tựu chung

lại, hầu hết các công trình đều đã đưa ra những điều kiện, yếu tố ảnh hưởng cũng như những ưu điểm và bất cập của quá trình LVN. □

Tài liệu tham khảo

- [1] D. Johnson D - R. Johnson R - E. Holubec (1990). *Circles of learning: cooperation in the classroom*. 3rd Edition, Minnesota: Interation Book company.
- [2] Nguyễn Thị Phương Hoa (1997). *Phương pháp học tập theo nhóm nhỏ*. NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Thị Kim Dung (2007). *Hiệu quả của dạy học theo nhóm và vấn đề rèn kỹ năng làm việc theo nhóm cho học sinh phổ thông*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 2.
- [4] Nguyễn Thị Oanh (2007). *Làm việc theo nhóm*. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Hate Exly - RegDennick (2004). *Small group teaching - tutorials, seminars and beyond*. Routledge.
- [6] F. Murray - J. Meised (1986). *The consequences of mainstreaming handicapped children*. Hillsdale NJ Lawrence Erlbbaum associates.
- [7] J. Piaget (1968). *Psychological studies*. New York: Unitage books.
- [8] L. Vygotsky. *The Development of higher mental process*. Cambridge M.A. Harvard University press.
- [9] Nguyễn Thị Kim Dung (2007). *Những yêu cầu sư phạm đối với việc nâng cao chất lượng tổ chức dạy học nhóm trong giờ học ở tiểu học*. Đề tài nghiên cứu cấp trường, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, MS: SP-04-123.